TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-ST
Ngày: 04/02/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thới
2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/QĐXXST- DS, ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính số A, N, phường B, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật Ông TEERA VIKA VEE KACHAPHAS- Chức danh : Giám đốc và Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1996, địa chỉ ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ liên hệ số B, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2025) (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Tô Ánh M, sinh năm 1968 địa chỉ thường trú: Số H, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2025 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng K trình bày:

Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH S1 nay là Công ty Cổ phần S - Chi nhánh T 01 (Gọi tắt là Công ty) và Bà Tô Ánh M có ký kết Hợp đồng cầm cố số V2C240101010NA16X, nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận như sau:

- Tài sản cầm cố: 01 xe ô tô, loại xe Mazda 2 Sedan 1.5, màu trắng, Biển số xe 64A-032.08, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 005505 do Công an tỉnh V cấp ngày 18/8/2016.

- Số tiền cầm cố 148.550.000 đồng.

- Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân 26/01/2024 đến ngày 26/01/2025.

- Phương thức nhận tiền: Chuyển khoản tài khoản số 1031631628 tên Tô Ánh M mở tại Ngân hàng V.

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

- Ngày nhận tiền: Ngày 26/01/2024.

- Về lãi suất cầm cố: Lãi suất trong hạn: lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn, được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả phí quản lý hồ sơ : 0,5%/ số tiền cầm cố/tháng

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền 2.376.800đồng vào ngày 26 hàng tháng (từ tháng 01/2024 đến tháng 01/2025).

- Hình thức thanh toán: nộp tiền mặt tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty.

Ngoài ra, Công ty và Bà M còn lập Giấy mượn xe ngày 26/01/2024 các bên thỏa thuận như sau: Công ty cho bà M mượn lại xe ô tô có thông tin nêu trên để sử dụng nhu cầu đi lại. Nội dung giấy mượn xe như sau:

- Thời gian mượn là 30 ngày, kể từ ngày 26/01/2024 đến ngày 26/02/2024. Trong thời gian mượn xe bà M cam kết sẽ trả lại xe đúng thời hạn và cam kết nếu Công ty yêu cầu giao lại xe thì bà M sẽ chấp hành.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005505, do Công an tỉnh V cấp ngày 18/8/2016, cấp cho bà Tô Ánh M, hiện do Công ty đang giữ.

* Hợp đồng cầm cố số V2C240101010NA16X ngày 26/01/2024 được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ - Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 26/01/2024) đến ngày 28/8/2025 bà M có thanh toán cho công ty số tiền lãi, phí là 64.176.286đồng thì ngưng cho đến ngày khởi kiện không có trả thêm khoản tiền nào.

Công ty đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà M vẫn không thanh toán nợ cho Công ty. Do bà M không thanh toán cho nên Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và bắt đầu tính lãi quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tô Ánh M có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 21/6/2025 là 168.403.507đồng (Trong đó, tiền gốc 148.550.000đồng, tiền lãi quá hạn là 7.969.507 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 11.884.000 đồng).

Ngoài ra còn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 21/6/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Ngày 04/02/2026 phía nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chỉ yêu cầu bị đơn bà Tô Ánh M phải thanh toán cho Công ty số tiền đến ngày 04/02/2026 là 162.358.000đồng (Trong đó, tiền gốc là 148.550.000đồng, tiền lãi quá hạn là 13.808.000đồng). Nguyên đơn tính lãi suất quá hạn với mức lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày ngưng trả tiền là ngày 28/8/2025 đến ngày đến hạn hợp đồng ngày 04/02/2026. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng K rút lại yêu cầu bị đơn trả phí số tiền 11.884.000đồng. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

* *Ý kiến của bị đơn Bà Tô Ánh M trình bày:* Tại Biên bản hòa giải ngày 22/01/2026 bà Tô Ánh M thống nhất có nợ nguyên đơn tính đến ngày 22/01/2026 số tiền 168.403.507 đồng (Trong đó, tiền gốc 148.550.000đồng, tiền lãi quá hạn là 7.969.507 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 11.884.000 đồng) bà đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn khởi kiện Bà Tô Ánh M, sinh năm 1968 địa chỉ thường trú: Số H, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

[1.2] Tại Hợp đồng cầm cố ngày 26/01/2024 đã ghi rõ thông tin nhân thân, địa chỉ Bà Tô Ánh M, sinh năm 1968 địa chỉ thường trú: Số H, Khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay Số H, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo địa chỉ trong hợp đồng

cầm cố, cũng như địa chỉ đăng ký thường trú của bà M là đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

[1.3] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 16/01/2026 và ngày 04/02/2026 cho bà M đúng theo quy định của pháp luật nhưng mà M vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 04/02/2026 đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng K và bị đơn bà Tô Ánh M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bị đơn bà Tô Ánh M trả số tiền nợ gốc là 148.550.000đồng căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 26/01/2024 thì phía nguyên đơn đã giao số tiền 148.550.000 đồng cho bị đơn và bị đơn giao cho nguyên đơn giữ chiếc xe ô tô, Biển số xe 64A-032.08, hợp đồng này có chữ ký và ghi họ và tên của bên cầm cố Tô Ánh M và bên nhận cầm cố Công ty TNHH S1 (nay Công ty Cổ phần S) – Chi nhánh T. Hợp đồng cầm cố được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, khi giao dịch các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và tại số thứ tự 27 Điều 4 của Điều lệ Công ty có nêu rõ các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có "hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ", nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng kể từ ngày nhận tiền đến ngày 26/01/2024 đến ngày 28/8/2025 bị đơn bà M có trả cho nguyên đơn được số tiền lãi và phí là 102.024.000đồng rồi ngưng không thanh toán cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 148.550.000 đồng, thì bị đơn bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu tiền lãi suất của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận lãi suất cầm cố trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn 12 tháng tính từ ngày 26/01/2024 đến hết 26/01/2025 thì hết hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng kể từ ngày nhận tiền đến ngày 26/01/2024 đến ngày 28/8/2025 bị đơn bà M có trả cho nguyên đơn được số tiền lãi và phí là 102.024.000đồng rồi ngưng không thanh toán cho đến nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tính lãi suất quá hạn với mức lãi suất 1,65%/tháng. Theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể:

"*6. Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*".

Và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...*", nên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả được tính như sau: Lãi quá hạn được tính như sau: (148.550.000đồng x 1,65%/tháng x 169 ngày (từ ngày 28/8/2025 đến ngày 04/02/2026) = 13.808.000 đồng.Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng vốn gốc và lãi là 162.358.000 đồng.

[4] Về chiếc xe ô tô Biển số 64A- 032.08 sau khi ký hợp đồng cầm cố với nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn ký Giấy mượn xe ngày 26/01/2024 với nội dung nguyên đơn không có giữ chiếc xe của bị đơn mà giao chiếc xe Biển số 64A- 032.08 cho bị đơn quản lý sử dụng cho đến nay. Đại diện nguyên đơn Anh K có ý kiến đồng ý trả lại cho bà M bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005505, do Công an tỉnh V cấp cho bà Tô Ánh M ngày 18/8/2016 khi bà M trả xong nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 11.884.000đồng.

[6] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Tô Ánh M chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mà Bà M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn được tính như sau: 162.358.000 đồng x 5% = 8.118.000đồng (Tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng). Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92; Điều 147, 266, 273, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 117, 309, 310 và Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 1, 7, 8 và Điều 24 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ vào các Điều 3, 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với Bà Tô Ánh M.

2. Buộc Bà Tô Ánh M có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 162.358.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng), (Trong đó: nợ gốc 148.550.000đồng, tiền lãi là: 13.808.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 11.884.000 đồng.

4. Buộc Công ty Cổ phần S Ngay trả lại cho bà Tô Ánh M bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005505, do Công an tỉnh V cấp cho bà Tô Ánh M ngày 18/8/2016.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc Bà Tô Ánh M phải nộp số tiền 8.118.000đồng (Tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 4.210.088đồng (Bốn triệu hai trăm mười nghìn không trăm tám mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu : BLTU/25E số 0003915 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai đại diện nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long 01;
- THADS tỉnh Vĩnh Long 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm